

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HS-PT  
Ngày: 05-3-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Quách Tố Giang.

*Các Thẩm phán:* ông Trần Minh Hải; ông Khuru Đẻ Dành.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Ngô Huỳnh Đức – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Thành Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 202/2020/TLPT-HS ngày 07/12/2020 đối với các bị cáo A (L), B, C và D, do có kháng cáo của bị cáo A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2020/HS-ST ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

A (L), sinh năm 1964 tại D, An Giang; ĐKHKTT và chỗ ở: Khóm C 5, phường E B, thành phố D, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; con ông N (chết) và bà O (chết); có chồng tên I (chết) và có 03 con; con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1995; anh, chị, em có 10 người, bị cáo là người thứ tám.

Nhân thân: Từ nhỏ sống với cha mẹ, học hết lớp 1 nghỉ học phụ giúp gia đình cho đến ngày phạm pháp.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/5/2020 đến ngày 13/5/2020 được thay đổi biện pháp tạm giữ, tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú;

Bị cáo có mặt.

**- Ngoài ra còn có 03 bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị:**

1. B, sinh năm 1973 tại P, An giang; ĐKHKTT và chỗ ở: Ấp H, thị trấn A, huyện A, tỉnh An; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; con ông L (chết) và bà H (chết); có chồng tên Q, sinh năm 1974 và có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2000; anh, chị em ruột có 08 người, bị cáo là người thứ bảy.

Nhân thân: Từ nhỏ sống với cha mẹ, học hết lớp 5 nghỉ học phụ giúp gia đình, sống nghề mua bán cho đến ngày phạm pháp.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/5/2020 đến ngày 13/5/2020 được thay đổi biện pháp tạm giữ, tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú;

Bị cáo vắng mặt.

2. C, sinh năm 1968 tại A, An Giang; ĐKHKTT: Ấp T, xã H, huyện A, tỉnh An Giang; chỗ ở: Ấp H, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông T (chết) và bà Đ, sinh năm 1947; có chồng tên V (chết) và có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1996; chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ nhất.

Nhân thân: Từ nhỏ sống với cha mẹ, học hết lớp 3 nghỉ học phụ giúp gia đình, sống nghề mua bán cho đến ngày phạm pháp.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/5/2020 đến ngày 13/5/2020 được thay đổi biện pháp tạm giữ, tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú;

Bị cáo vắng mặt.

3. D, sinh năm 1973 tại A, An Giang; ĐKHKTT và chỗ ở: Ấp T, xã H, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; con ông T (chết) và bà M (chết); có chồng tên B, sinh năm 1973 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2013; anh, chị em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ ba.

Nhân thân: Từ nhỏ sống với cha mẹ, học hết lớp 6 nghỉ học phụ giúp gia đình cho đến ngày phạm pháp.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/5/2020 đến ngày 13/5/2020 được thay đổi biện pháp tạm giữ, tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú;

Bị cáo vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo A*: Luật sư P và Luật sư N, Văn phòng Luật sư P, Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ, địa chỉ: số 46/47 Lê Lợi, phường E B, thành phố D, tỉnh An Giang.

Luật sư P có mặt. Luật sư N vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Đ, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang, vắng mặt;

2. E, sinh năm 1958; nơi cư trú: ấp H, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang, vắng mặt;

3. G, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp P, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. T, sinh năm 1986, vắng mặt;

2. N, sinh năm 1988, vắng mặt;

3. M, sinh năm 1990, vắng mặt;

4. P, sinh năm 1980, vắng mặt;

5. C, sinh năm 1982, vắng mặt;

6. H, sinh năm 1951, vắng mặt.

(Trong vụ án, bị cáo A kháng cáo; các bị cáo B, C, D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 07/5/2020, nhận được tin báo tại khu vực tổ 7, ấp H, thị trấn A, huyện A có nhiều đối tượng đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi tài xỉu, nên lực lượng Công an tiến hành đến địa điểm trên kiểm tra, phát hiện bắt quả tang A, B, D, C cùng tang vật, gồm:

- Số tiền 34.878.000 (ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn) đồng;

- 01 tấm nhựa ghi chữ “Tài”, “Xiu”, 01 đĩa sành, 01 nắp nhựa, 06 hột xí ngầu.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, màu vàng.

Quá trình điều tra xác định: Ngày 06/5/2020, Đ điện thoại rủ A đến tổ 7, ấp H, thị trấn A, huyện A tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi tài xỉu thắng thua bằng tiền và thỏa thuận chia đôi tiền bảo. Ngày 06/5/2020 A lặc được 02 chén bảo, chia cho Đ 300.000 đồng.

Khoảng 11 giờ ngày 07/5/2020, A mang theo 20.000.000 đồng cùng dụng cụ lặc tài xỉu (06 hột xí ngầu) đến địa điểm trên để tham gia đánh bạc, đến nơi thấy sòng tài xỉu đang chơi nên A nằm vờng đợi. Sau đó, Đ kêu A vào làm cái

lắc tài xỉu, A lấy ra 5.000.000 đồng làm vốn. Lúc này, B mang theo 3.000.000 đồng, C mang theo 992.000 đồng, D mang theo 1.114.000 đồng (tiền của D 814.000 đồng và 300.000 đồng của Nguyễn Thị Cẩm trả nợ cho D) đến sòng tài xỉu do Athủ cái tham gia đặt cược. Trong lúc chơi, G làm vĩ chung chi tiền cho A được 01 ván thì A không cho G làm vĩ nữa, A tự mình chung chi với các con bạc. E mang theo 40.000 đồng tham gia đặt cược 03 ván, mỗi ván 10.000 đồng (thua 02 ván, thắng 01 ván) thì nghỉ không tham gia đặt cược nữa, nhưng vẫn ngồi tại khu vực sòng bạc để xem, còn B tham gia đặt cược mỗi ván 30.000 đồng, C đặt cược mỗi ván 100.000 đồng, D đặt cược mỗi ván 50.000 đồng. Chơi đến khoảng 13 giờ cùng ngày, thì Công an đến bắt quả tang A, B, D và C cùng với số tiền trên chiếu bạc 15.622.000 đồng, thu trong bóp vải của A 15.000.000 đồng và 06 hột xí ngầu, thu trên người C 792.000 đồng, thu trên người B 2.500.000 đồng, thu trên người D 964.000 đồng, thu trên người E 30.000 đồng.

Ngày 13/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với A, B, D, C.

Trong quá trình điều tra, Đ nộp lại số tiền 300.000 đồng.

Cáo trạng số 42/CT-VKS-AP ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố các bị cáo A, B, D, C về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2020/HS-ST ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện A đã quyết định: về tội danh, Tuyên bố bị cáo A (L) phạm tội “*Đánh bạc*”; về hình phạt, căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo A (L) 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ 06 (sáu) ngày (từ ngày 07/5/2020 đến 13/5/2020).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo B 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, D 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, C 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ cùng về tội “*Đánh bạc*”; án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/10/2020, bị cáo A kháng cáo với nội dung xin miễn giảm hình phạt do 02 người con đang bị bệnh tâm thần cần được chăm sóc.

Ngày 03/11/2020, bị cáo A kháng cáo yêu cầu hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2020/HS-ST ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo A trình bày yêu cầu kháng cáo: không yêu cầu hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2020/HS-ST ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, chỉ kháng cáo xin cấp phúc thẩm xem xét các tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh nhân thân, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

*Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm*

*về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:*

Về thủ tục kháng cáo: đơn kháng cáo của bị cáo có nội dung, yêu cầu rõ ràng, gửi trong hạn luật định nên đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai nhận tội của bị cáo A phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các tài liệu, vật chứng trong hồ sơ vụ án. Như vậy, bị cáo đã có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền với các bị cáo B, D, C, dưới hình thức chơi tài xỉu với số tiền dùng để đánh bạc là 34.878.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và tuyên phạt bị cáo A 01 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của cáo, đủ răn đe và phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xuất trình bổ sung chứng cứ chồng là I tham gia chiến tranh biên giới Tây Nam và làm nghĩa vụ quốc tế Campuchia, 02 người con là K và M bị bệnh tâm thần. Tuy nhiên, đây không phải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ khác để áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Ngoài ra, trong vụ án bị cáo thủ cái với số tiền dùng để đánh bạc là 20.000.000 đồng, nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2020/HS-ST ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện A. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo A 01 năm tù. Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2020/HS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Người bào chữa cho bị cáo A phát biểu tranh luận:* tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo A đã khẳng định không kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm mà chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bản án sơ thẩm đã xem xét áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 đối với các bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị xem các tình tiết khác như chồng bị cáo tham gia chiến tranh biên giới Tây Nam có thể xem xét áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 hay không, cũng như hoàn cảnh của bị cáo A, để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Đồng thời, đề nghị xem xét lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm vì sao phải mang theo 20.000.000 đồng, đó là do các con bị tâm thần nên không thể để tiền ở nhà. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

*Kiểm sát viên tranh luận:* về việc chồng bị cáo tham gia chiến tranh biên giới Tây Nam không đủ điều kiện áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, quy định có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 để xem xét áp dụng Điều 54 là không bắt buộc. Trong vụ án này, bị cáo A có vai trò chính, số tiền đánh bạc lớn. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Người bào chữa cho bị cáo A tranh luận:* không tranh luận về việc áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự hay không, mà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tất cả các tình tiết, hoàn cảnh của bị cáo, áp dụng theo quy định của pháp luật.

*Bị cáo A phát biểu:* xin xem xét hoàn cảnh, nhân thân, bị cáo đã hối hận về hành vi của mình, xin hưởng án treo để chăm lo cho hai con đang bị tâm thần.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Phiên tòa sơ thẩm xét xử và tuyên án vào ngày 27/10/2020. Ngày 03/11/2020, bị cáo A kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo A là Luật sư N đã xin hoãn phiên tòa ngày 05/02/2021, và tại phiên tòa hôm nay vắng mặt; các bị cáo B, D, C không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không liên quan đến kháng cáo, những người làm chứng vắng mặt, đều đã có lời khai rõ ràng tại hồ sơ nên căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1.1] Khoảng 13 giờ ngày 07/5/2020, bị cáo A đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức thủ cái, lắc tài xỉu được thua bằng tiền với B, C, D. Số tiền dùng để đánh bạc là 34.878.000 đồng (thu giữ tại chiếu bạc là 15.622.000 đồng, trong bóp vải của bị cáo A là 15.000.000 đồng, thu giữ trên người bị cáo B là 2.500.000 đồng, thu giữ trên người bị cáo C là 792.000 đồng, thu giữ trên người bị cáo D là 964.000 đồng). Các bị cáo đều thừa nhận số tiền mang theo là dùng để đánh bạc. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai nhận tội của bị cáo A phù hợp với lời khai tại giai đoạn sơ thẩm, lời khai của các bị cáo khác, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, tài liệu, vật chứng trong hồ sơ vụ án. Từ đó cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố các bị cáo A, B, D, C phạm tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.1.2] Đối với hành vi làm vĩ chung chi của G và hành vi tham gia đặt cược của E đã ngưng không tham gia trước khi bị bắt quả tang nên không xử lý hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên, cần phải xử lý hành chính theo quy định. Vì vậy, tiếp tục kiến nghị Công an huyện A quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với G và E.

[2.1.3] Đối với Đ đã có hành vi gọi điện thoại và thông tin địa điểm đánh bạc cho bị cáo A. Quá trình điều tra chưa đấu tranh, điều tra làm rõ. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung để làm rõ vai trò của Đ trong vụ án. Do đó, rút kinh nghiệm và tiếp tục kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A tiếp tục điều tra làm rõ hành vi và vai trò của Đ, nhằm bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật.

## [2.2] Xét kháng cáo của bị cáo

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 là thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đồng thời xem xét bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo và là lao động chính trong gia đình, để áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo A sử dụng số tiền 20.000.000 đồng dùng để đánh bạc, là người có vai trò chính, thủ cái với các con bạc khác nên đã quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để răn đe, phòng ngừa chung. Cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ để quyết định hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Bị cáo A kháng cáo, cung cấp hồ sơ xác nhận bệnh tâm thần phân liệt của 02 người con là K, M và Giấy xác nhận chồng là I (đã chết năm 2020) có thời gian tham gia chiến tranh biên giới Tây Nam và làm nghĩa vụ quốc tế Campuchia. Tuy nhiên, đây không phải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo A kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở xem xét, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: do giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2020/HS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A (L).

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2020/HS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Tuyên bố bị cáo A (L) phạm tội: “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo A (L) 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ 06 (sáu) ngày (từ ngày 07/5/2020 đến 13/5/2020).

Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo A (L) phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2020/HS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP. HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND huyện A (2);
- Công an huyện A (2);
- Chi cục THADS huyện A (1);
- Các bị cáo (4);
- Người bào chữa (2);
- Người có QLNVLQ (3);
- Phòng KTNV và THA (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Văn phòng (2);
- Tòa Hình sự (1);
- PV 10, PV 26 (1);
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quách Tố Giang**